

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/KDTM-ST
Ngày 04-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty CP G; địa chỉ: KCN Đ I, xã T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Đình H, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: Xã T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, chức vụ: Giám đốc, là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 01/UQ-GDP ngày 21/5/2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L, Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc tế H và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T; địa chỉ: 58/6 khu phố T1, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh T – chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/5/2015, Công ty CP G (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng nguyên tắc số 34/2015-HĐNT với Công ty TNHH MTV T (trước đây là Công ty TNHH MTV T – sau đây gọi tắt là Công ty T). Theo đó Công ty Đ bán cho Công ty T mặt hàng phôi gỗ cao su tấm, sấy với quy cách, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật như trong hợp đồng. Ngoài ra hợp đồng cũng thỏa thuận về phương thức thanh toán, cụ thể: Cuối tháng đối chiếu công nợ, bên bán xuất hóa đơn cho bên mua và bên mua thanh toán cho bên bán trong vòng 10 đến 15 ngày của tháng kế tiếp.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ đã giao hàng 02 lần cho Công ty T với tổng giá trị hàng là 389.914.855 đồng, nhưng đến ngày 16/9/2015 Công ty T mới thanh toán được 255.000.000 đồng. Còn nợ 134.914.855 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở đến cuối tháng 4 năm 2018, Công ty T tiếp tục thanh toán thêm cho Công ty Đ 14.914.855 đồng. Từ tháng 4 năm 2018, Công ty T không thanh toán cho Công ty Đ mặc dù Công ty Đ đã nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty T vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T thanh toán tiền hàng còn nợ là 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 04/9/2018 với lãi suất quá hạn là 150%/tháng trên số tiền chậm thanh toán tính theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng 1%/tháng, tiền lãi tạm tính đến ngày 31/5/2018 là 58.813.744 đồng. Tổng cộng là 178.813.000 đồng và thanh toán ngay 1 lần cho Công ty Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hoàng Đình H trình bày bổ sung:

- Thống nhất với lời trình bày của luật sư và bổ sung thêm: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty T phải bồi thường tổn thất bị thiệt hại như chi phí đi lại, chi phí nhân sự của doanh nghiệp phải duy trì hoạt động để xử lý công nợ là 76.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí thuê luật sư, công ty Luật để khởi kiện do việc chậm thanh toán gây ra là 24.000.000 đồng. Về mức lãi suất, yêu cầu tính lãi là 1%/tháng trong suốt thời gian Công ty T chậm thanh toán trên số tiền còn nợ.

- *Bị đơn Công ty TNHH MTV T:* Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/6/2018 ngày 10/7/2018 và tham gia phiên tòa vào các ngày 13/8/2018 ngày 04/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ việc giao hàng, xuất hóa đơn tài chính cho bị đơn và hàng năm có đối chiếu công nợ đối với bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa

vụ của mình. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải việc Công ty T còn thiếu tiền hàng của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn thanh toán ngay 1 lần số tiền hàng còn nợ cùng tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán và buộc bị đơn bồi thường chi phí thiệt hại do việc thuê luật sư là 24.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận 1 phần theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty CP G có đơn yêu cầu giải quyết việc mua bán hàng hóa giữa Công ty CP G với Công ty TNHH MTV T (trước đây là Công ty TNHH MTV T); địa chỉ: 58/6 khu phố T 1, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án Kinh doanh Thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn Công ty TNHH MTV T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13/8/2018 và 04/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét, ngày 25/6/2015, Công ty Đ và Công ty T ký hợp đồng nguyên tắc số 34/2015-HĐNT để mua bán mặt hàng là phôi gỗ cao su tấm, sấy. Quy cách, tiêu chuẩn hàng giao được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng nguyên tắc; số lượng, giá cả theo từng đơn hàng cụ thể. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán, cụ thể thỏa thuận về phương thức thanh toán: Cuối tháng đối chiếu công nợ và xuất hóa đơn, công nợ thanh toán trong vòng 10 đến 15 ngày của tháng kế tiếp; nếu sau thời hạn thanh toán bên B chưa thanh toán đầy đủ cho bên A thì bên A sẽ tính lãi suất theo lãi suất 1%/tháng trên số tiền còn lại và thời gian không

được quá 1 tháng và các bên còn thỏa thuận về trách nhiệm khi thực hiện hợp đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự trong việc giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã giao 02 lô hàng cho Công ty T có tổng giá trị 389.914.855 đồng theo hóa đơn số 0000648 ngày 25/7/2015 và hóa đơn số 0000676 ngày 26/8/2015. Đến ngày 16/9/2015, Công ty T thanh toán số tiền 255.000.000 đồng, còn lại 134.914.855 đồng và hết tháng 4 năm 2018, Công ty T thanh toán tiếp cho Công ty Đ 14.914.855 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng, trong đó: Hóa đơn số 0000676 ngày 26/8/2015 còn nợ 97.380.525 đồng từ ngày 16/9/2018 đến nay; hóa đơn số 0000648 ngày 25/7/2015 còn nợ 22.619.475 đồng từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Như vậy, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc nên Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền hàng còn nợ 120.000.000 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Đối với tiền lãi do chậm thanh toán, tại Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc số 34/2015-HĐNT ngày 25/6/2015, hai bên thỏa thuận về phương thức thanh toán, mức lãi suất và tiền lãi do chậm thanh toán như sau:

“- Cuối tháng hai bên đối chiếu công nợ, bên A xuất hóa đơn cho bên B, công nợ thanh toán trong vòng 10 đến 15 ngày của tháng kế tiếp.

- Nếu sau thời hạn thanh toán bên B chưa thanh toán đầy đủ cho bên A thì bên A sẽ tính theo lãi suất 1%/tháng số tiền còn lại và thời gian không được quá 1 tháng”.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng trên toàn bộ số tiền bị đơn chậm thanh toán, cụ thể:

Tiền lãi tính từ ngày 16/8/2015 đến ngày 04/9/2018 trên số tiền hàng chậm thanh toán 22.619.475 đồng là: $(22.619.475 \times 1\%): 30 \text{ ngày} \times 1.113 \text{ ngày} = 8.391.825$ đồng;

Tiền lãi tính từ ngày 16/9/2015 đến ngày 04/9/2018 trên số tiền hàng chậm thanh toán 97.380.525 đồng là: $(97.380.525 \text{ đồng} \times 1\%): 30 \text{ ngày} \times 1.083 \text{ ngày} = 35.121.909$ đồng.

Tổng cộng số tiền lãi Công ty T phải thanh toán cho Công ty Đ là 43.513.735 đồng.

Xét, việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên giao kết hợp đồng. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và yêu cầu này cũng phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Do đó yêu cầu tính lãi của Công ty Đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn do bị đơn chậm thanh toán tiền nên nguyên đơn phải tốn chi phí đi lại, chi phí nhân sự để duy trì hoạt động công nợ và chi phí tư vấn luật sư, công ty luật.... Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại và chỉ yêu cầu

Công ty T thanh toán số tiền 24.000.000 đồng chi phí thuê luật sư. Xét, việc thuê luật sư là do nhu cầu của công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, chi phí này xuất phát từ nhu cầu của nguyên đơn chứ không phải thiệt hại phát sinh trực tiếp từ việc bị đơn chậm thanh toán cho nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty CP G nên Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận và Công ty CP G phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV T phải bồi thường tổn thất bị thiệt hại như chi phí đi lại, chi phí nhân sự của doanh nghiệp phải duy trì hoạt động để xử lý công nợ do việc chậm thanh toán gây ra là 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV T bồi thường chi phí thuê luật sư, công ty Luật để khởi kiện là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH MTV T (trước đây là Công ty TNHH MTV T) thanh toán cho Công ty CP G số tiền hàng còn nợ là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 04/9/2018 là 43.513.735 (bốn mươi ba triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng, tổng cộng 163.513.735 (một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 05/9/2018 theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc số 34/2015-HĐNT ký ngày 25/6/2015 giữa Công ty CP G với Công ty TNHH MTV T (nay là Công ty TNHH MTV T).

4/ Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Công ty Công ty TNHH MTV T phải chịu số tiền 8.175.687 (tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Công ty CP G phải chịu án phí 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019517 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho Công ty CP G số tiền chênh lệch là 3.971.000 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng).

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/6/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 18/6/2018 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Trần Thị Kim Hoa

